TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần: Lâm sàng Phục hồi chức năng người bệnh lý nội tiết (650914)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (01 - )/DA18PHCN

CBGD: Lê Thị Hạ Quyên (YH446)

Hình thức đánh giá: Vấn đáp

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 30/9/2022

Phòng thi: H.TP2V

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116118003 | Nguyễn Xuân | Minh | 02/07/2000 | Nam | 8,4 | 9,0 | 8,7 | | | | |
| 2 | 116118005 | Thạch Thị Yến | Nhi | 11/07/2000 | Nữ | 7,0 | 7,0 | 7,0 | | | | |
| 3 | 116118006 | Trầm Trần Thiện | Thanh | 15/11/1998 | Nữ | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 4 | 117318004 | Lâm Ngọc | Hân | 09/01/2000 | Nữ | 7,6 | 8,0 | 7,8 | | | | |
| 5 | 117318005 | Lê Thị Minh | Khánh | 17/01/2000 | Nữ | 7,1 | 7,0 | 7,1 | | | | |
| 6 | 117318006 | Châu Minh | Khôi | 29/11/2000 | Nam | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 7 | 117318008 | Võ Lưu Hồng | Minh | 19/10/2000 | Nữ | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 8 | 117318012 | Phú Ngọc | Sơn | 02/01/1998 | Nam | 7,1 | 7,0 | 7,1 | | | | |
| 9 | 117318014 | Mai | Sia | 19/09/1999 | Nữ | 7,5 | 7,0 | 7,3 | | | | |
| 10 | 117318016 | Phan Thị Như | An | 05/08/2000 | Nữ | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 11 | 117318017 | Đào Thị Phương | Anh | 15/12/2000 | Nữ | 7,6 | 8,0 | 7,8 | | | | |
| 12 | 117318018 | Trương Thị Huỳnh | Anh | 13/03/2000 | Nữ | 7,5 | 7,0 | 7,3 | | | | |
| 13 | 117318019 | Huỳnh Thị Hồng | Cẩm | 18/08/2000 | Nữ | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 14 | 117318021 | Cao Minh | Dừng | 03/10/2000 | Nam | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 15 | 117318031 | Lâm Ngọc | Lan | 02/08/2000 | Nữ | 7,6 | 8,0 | 7,8 | | | | |
| 16 | 117318034 | Nguyễn Thị Ngọc | Mơ | 25/09/2000 | Nữ | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 17 | 117318035 | Phạm Xuân Trúc | Nhật | 01/08/2000 | Nữ | 7.7 | 8,0 | 7,9 | | | | |
| 18 | 117318036 | Hà Thị Kim | Nhi | 19/01/2000 | Nữ | 8.4 | 9,0 | 8,7 | | | | |
| 19 | 117318037 | Trần Quang | Nhí | 00/00/1992 | Nam | 8,5 | 8,0 | 8,3 | | | | |
| 20 | 117318039 | Danh | Quang | 15/02/2000 | Nam | 7,1 | 7,0 | 7,1 | | | | |
| 21 | 117318040 | Nguyễn Thị | Quỳnh | 26/02/2000 | Nữ | 7,4 | 8,0 | 7,7 | | | | |
| 22 | 117318041 | Nguyễn Xuân | Sơn | 18/05/2000 | Nam | 8,1 | 8,0 | 8,1 | | | | |
| 23 | 117318043 | Võ Trần Phương | Thảo | 20/12/2000 | Nữ | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 24 | 117318044 | Trang Thị Hồng | Thắm | 29/01/2000 | Nữ | 7,1 | 7,0 | 7,1 | | | | |
| 25 | 117318046 | Phạm Trần Thảo | Trang | 13/09/2000 | Nữ | 8,1 | 8,0 | 8,1 | | | | |
| 26 | 117318047 | Trần Quế | Trân | 25/11/2000 | Nữ | 7,5 | 8,0 | 7,8 | | | | |
| 27 | 117318049 | Nguyễn Quang | Trung | 09/07/2000 | Nam | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 28 | 117318050 | Phạm Yến | Vi | 08/02/2000 | Nữ | 8,1 | 8,0 | 8,1 | | | | |
| 29 | 117318053 | Trần Thị Ngọc | Ánh | 21/06/2000 | Nữ | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 30 | 117318054 | Dương Mỹ | Trinh | 09/12/2000 | Nữ | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 31 | 117318055 | Lâm Thị Liễu | Thu | 13/05/2000 | Nữ | 7,1 | 7,0 | 7,1 | | | | |
| 32 | 117318056 | Bùi Phương | Bảo | 26/08/2000 | Nam | 7,5 | 8,0 | 7,8 | | | | |
| 33 | 117318057 | Trịnh Trọng | Bằng | 29/02/2000 | Nam | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 34 | 117318058 | Đỗ Thị Tường | Duy | 15/07/2000 | Nữ | 7,5 | 8,0 | 7,8 | | | | |
| 35 | 117318059 | Nguyễn Minh Nhựt | Hảo | 22/03/2000 | Nam | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 36 | 117318060 | Nguyễn Thị Kim | Ngân | 09/01/2000 | Nữ | 7,4 | 8,0 | 7,7 | | | | |
| 37 | 117318062 | Võ Thị | Ngân | 20/07/1999 | Nữ | 8,4 | 9,0 | 8,7 | | | | |
| 38 | 117318063 | Võ Thị Huỳnh | Như | 02/03/2000 | Nữ | 7,4 | 8,0 | 7,7 | | | | |
| 39 | 117318064 | Từ Hiệp | Phát | 02/03/1999 | Nam | 7,2 | 7,0 | 7,1 | | | | |
| 40 | 117318065 | Phạm Trần Ngọc | Quyên | 31/10/2000 | Nữ | 7,8 | 8,0 | 7,9 | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần: Lâm sàng Phục hồi chức năng người bệnh lý nội tiết (650914)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (01 - )/DA18PHCN

CBGD: Lê Thị Hạ Quyên (YH446)

Hình thức đánh giá: Lâm sàng

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 30 / 9 / 2022

Phòng thi: HTPV

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 41 | 117318066 | Trương Thương Hoài | Thương | 21/12/2000 | Nam | 8,1 | 8,0 | 8,1 | | | | |
| 42 | 117318067 | Trương Ngọc | Trâm | 05/09/2000 | Nữ | 7,6 | 8,0 | 7,8 | | | | |
| 43 | 117318068 | Nguyễn Tiểu | Vi | 13/12/1999 | Nữ | 8,4 | 9,0 | 8,7 | | | | |
| 44 | 117318069 | Châu Như | Ý | 19/10/2000 | Nữ | 8,4 | 9,0 | 8,7 | | | | |
| 45 | 117318070 | Đoàn Thị Minh | Thư | 02/12/2000 | Nữ | 8,4 | 9,0 | 8,7 | | | | |
| 46 | 117318071 | Phạm Thái | Ngân | 19/09/1993 | Nam | 8,4 | 9,0 | 8,7 | | | | |
| 47 | 117318072 | Lê | Duy | 15/05/1993 | Nam | 7,1 | 7,0 | 7,1 | | | | |
| 48 | 117318073 | Đào Quốc | Toàn | 12/08/2000 | Nam | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 49 | 117318074 | Nguyễn Tấn | Thành | 09/07/2000 | Nam | 7,8 | 8,0 | 7,9 | | | | |
| 50 | 117318075 | Nguyễn Văn | Nam | 18/02/1993 | Nam | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 51 | 117318078 | Trần Văn | Trinh | 20/09/1984 | Nam | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 52 | 117318079 | Cao Văn | Thông | 04/07/2000 | Nam | 7,6 | 8,0 | 7,8 | | | | |
| 53 | 117318080 | Võ Phùng Thiên | Trúc | 21/02/2000 | Nữ | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 54 | 117318084 | Trần Hoàng | Dỏi | 10/08/2000 | Nam | 7,7 | 8,0 | 7,9 | | | | |
| 55 | 117318085 | Nguyễn Văn | Tình | 10/10/1984 | Nam | 8,4 | 9,0 | 8,7 | | | | |
| 56 | 117318086 | Lâm Thị Mỹ | Tiên | 10/03/2000 | Nữ | 7,6 | 8,0 | 7,8 | | | | |
| 57 | 117318087 | Trương Yến | Nhi | 23/08/2000 | Nữ | 7,7 | 8,0 | 7,9 | | | | |
| 58 | 117318088 | Nguyễn Hoàng | Dẫn | 13/10/1990 | Nam | 7,0 | 7,0 | 7,0 | | | | |
| 59 | 117318089 | Viên Đức | Anh | 10/07/1992 | Nam | 8,0 | 8,0 | 8,0 | | | | |
| 60 | 117318090 | Hồ Minh | Thắng | 20/12/1991 | Nam | 7,0 | 7,0 | 7,0 | | | | |
| 61 | 117318092 | Trầm Huỳnh | Công | 06/12/2000 | Nam | 8,1 | 8,0 | 8,1 | | | | |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 61

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 61

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ: 61

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 11 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: T.T. Huyền

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tấn Nhật Quang

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc